

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

Luật Hợp tác xã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20/6/2023; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 04/2023/L-CTN ngày 30/6/2023; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 và thay thế Luật Hợp tác xã năm 2012, trừ quy định về chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời gian áp dụng chính sách hoặc có văn bản thay thế, bãi bỏ.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

Luật Hợp tác xã (HTX) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013 (sau đây viết tắt là Luật HTX năm 2012) đã tạo hành lang pháp lý quan trọng phát triển các HTX tại Việt Nam thời gian qua.

Tuy nhiên, Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012 đã chỉ ra, bên cạnh những kết quả đã đạt được, khu vực kinh tế tập thể nước ta còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, chưa đạt mục tiêu của Nghị quyết đề ra¹: (i) Tốc độ tăng trưởng, tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tập thể vào GDP còn thấp và có xu hướng giảm; (ii) Số lượng HTX tuy tăng, nhưng số lượng thành viên bình quân trong HTX có xu hướng giảm; (iii) HTX gặp nhiều rào cản khi gia nhập, rút khỏi thị trường, bị hạn chế hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng sản phẩm dịch vụ ra ngoài thị trường; (iv) Phần lớn các HTX gặp khó khăn trong tiếp cận các chính sách của Nhà nước, nhất là về vốn, đất đai; (v) Quy định về tổ chức quản trị HTX chưa phù hợp với quy mô và xu thế chuyển đổi số, trình độ cán bộ quản lý HTX; (vi) Hợp tác, liên kết trong nội bộ HTX, giữa các tổ chức kinh tế tập thể với nhau và giữa các tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác còn rất hạn chế; (vii) Tổ hợp tác chưa được định vị pháp lý bình đẳng như các tổ chức kinh tế khác, chưa được định hướng phát triển thành HTX;...

Để khắc phục những bất cập, hạn chế của khu vực kinh tế tập thể, HTX, ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, khẳng định "kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Phát triển

¹ Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX, Tài liệu Hội nghị toàn quốc, 2021.

kinh tế tập thể là xu hướng tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Nghị quyết đặt ra 05 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cần thực hiện thời gian tới, trong đó có yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể và giao nhiệm vụ “*Khẩn trương sửa đổi Luật HTX năm 2012 và các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế tập thể, HTX*”.

Từ các vấn đề nêu trên, việc sửa đổi Luật Hợp tác xã là cần thiết để làm rõ bản chất tổ chức hợp tác xã và lợi ích của thành viên tham gia hợp tác xã, góp phần hiện thực hóa chủ trương về kết hợp “bốn nhà” trong nông nghiệp; bảo đảm hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác xã phát triển lành mạnh, bền vững đúng với bản chất và mục đích thành lập, tránh lạm dụng hỗ trợ của Nhà nước; thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác xã có hiệu quả, từ đó góp phần định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường ở nước ta.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

Luật Hợp tác xã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20/6/2023 (*sau đây viết tắt là Luật HTX năm 2023*) gồm 12 chương, 115 điều (tăng 3 chương và 51 điều so với Luật Hợp tác xã năm 2012), cụ thể:

1. Chương I. Những quy định chung, gồm 16 điều (*từ Điều 1 đến Điều 16*), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Áp dụng Luật Hợp tác xã và luật khác; (4) Giải thích từ ngữ; (5) Bảo đảm của Nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên; (6) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (7) Hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (8) Nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (9) Quyền của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (10) Nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (11) Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (12) Chế độ lưu trữ tài liệu; (13) Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã; (14) Công bố thông tin cho thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (15) Sổ đăng ký thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (16) Phân loại hợp tác xã.

2. Chương II. Chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm 13 điều (*từ Điều 17 đến Điều 29*), quy định về: (1) Nguyên tắc thực hiện chính sách; (2) Tiêu chí thụ hưởng chính sách; (3) Nguồn vốn thực hiện chính sách; (4) Chính sách phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn; (5) Chính sách đất đai; (6) Chính sách thuế, phí và lệ phí; (7) Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm; (8) Chính sách ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (9) Chính sách tiếp cận và nghiên cứu thị

trường; (10) Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị; (11) Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro; (12) Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; (13) Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

3. Chương III: Thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm 2 Mục, 08 điều (từ Điều 30 đến Điều 37), cụ thể:

- **Mục 1: Thành viên hợp tác xã**, gồm 04 điều (từ Điều 30 đến Điều 33), quy định về: (1) Điều kiện trở thành thành viên hợp tác xã; (2) Quyền của thành viên hợp tác xã; (3) Nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã; (4) Chấm dứt tư cách thành viên hợp tác xã.

- **Mục 2: Thành viên liên hiệp hợp tác xã**, gồm 04 điều (từ Điều 34 đến Điều 37), quy định về: (1) Điều kiện trở thành thành viên liên hiệp hợp tác xã; (2) Quyền của thành viên liên hiệp hợp tác xã; (3) Nghĩa vụ của thành viên liên hiệp hợp tác xã; (4) Chấm dứt tư cách thành viên liên hiệp hợp tác xã.

4. Chương IV. Thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm 18 điều (từ Điều 38 đến Điều 55), quy định về: (1) Sáng lập viên; (2) Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (3) Nội dung của Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (4) Đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (5) Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (6) Nội dung giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (7) Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; (8) Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; (9) Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (10) Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; (11) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (12) Công bố nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (13) Tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh; (14) Trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (15) Dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (16) Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (17) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (18) Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; thông báo địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Chương V. Tổ chức quản trị hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm 3 mục, 17 điều (từ Điều 56 đến Điều 72), cụ thể:

- **Mục 1: Tổ chức quản trị và đại hội thành viên**, gồm 08 điều (từ Điều 56 đến Điều 63), quy định về: (1) Tổ chức quản trị; (2) Đại hội thành viên; (3) Đại biểu tham dự đại hội đại biểu; (4) Triệu tập Đại hội thành viên; (5) Chuẩn bị Đại hội thành viên; (6) Tham dự và biểu quyết trong Đại hội thành viên; (7) Điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên

Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán; (8) Miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người giữ các chức danh trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- **Mục 2: Tổ chức quản trị đầy đủ**, gồm 05 điều (từ Điều 64 đến Điều 69), quy định về: (1) Thẩm quyền của Đại hội thành viên theo tổ chức quản trị đầy đủ; (2) Hội đồng quản trị; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; (4) Chủ tịch Hội đồng quản trị; (5) Giám đốc (Tổng giám đốc) theo tổ chức quản trị đầy đủ; (6) Ban kiểm soát theo tổ chức quản trị đầy đủ.

- **Mục 3: Tổ chức quản trị rút gọn**, gồm 03 điều (từ Điều 70 đến Điều 72), quy định về: (1) Thẩm quyền của Đại hội thành viên theo tổ chức quản trị rút gọn; (2) Giám đốc theo tổ chức quản trị rút gọn; (3) Kiểm soát viên theo tổ chức quản trị rút gọn.

6. Chương VI. Tài sản, tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm 19 điều (từ Điều 73 đến Điều 91), quy định về: (1) Tài sản góp vốn; (2) Góp vốn điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (3) Giấy chứng nhận phần vốn góp; (4) Chuyển giao tài sản góp vốn; (5) Định giá tài sản góp vốn, tài sản chung không chia; (6) Tăng, giảm vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (7) Huy động vốn và tiếp nhận các khoản hỗ trợ, tặng cho, tài trợ; (8) Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (9) Thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (10) Góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp; (11) Hoạt động cho vay nội bộ trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (12) Quỹ chung không chia; (13) Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (14) Phân phối thu nhập (15) Quản lý, sử dụng các quỹ; (16) Quản lý, sử dụng tài sản; (17) Xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (18) Trả lại, thừa kế phần vốn góp; (19) Chế độ kế toán.

7. Chương VII. Tổ chức lại, giải thể, phá sản hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm 13 điều (từ Điều 92 đến Điều 104), quy định về: (1) Chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (2) Tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (3) Hợp nhất hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (4) Sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (5) Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (6) Các trường hợp giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (7) Giải thể tự nguyện đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (8) Giải thể bắt buộc đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (9) Các hành vi bị cấm khi giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (10) Xử lý tài sản khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể; (11) Giải quyết phá sản đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (12) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; (13) Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

8. Chương VIII. Kiểm toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm 2 điều (*Điều 105 và Điều 106*), quy định về: (1) Kiểm toán nội bộ; (2) Kiểm toán độc lập.

9. Chương IX. Tổ hợp tác, gồm 3 điều (*từ Điều 107 đến Điều 109*), quy định về: (1) Thành lập, hoạt động của tổ hợp tác; (2) Chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; (3) Chính sách hỗ trợ tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã.

10. Chương X. Tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm 02 điều (*Điều 110 và Điều 111*), quy định về: (1) Tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (2) Hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam.

11. Chương XI. Quản lý nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm 02 điều (*Điều 112 và Điều 113*), quy định về: (1) Nội dung chủ yếu về quản lý nhà nước; (2) Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước.

12. Chương XII. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (*Điều 114 và Điều 115*), quy định về: (1) Điều khoản thi hành; (2) Quy định chuyển tiếp.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

1. Những quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

1.2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Đối tượng áp dụng của Luật gồm: (1) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (2) Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

1.3. Giải thích từ ngữ (Điều 4)

Luật HTX năm 2023 giải thích 26 thuật ngữ, trong đó sửa đổi, chuẩn hóa 07 thuật ngữ, bổ sung 19 thuật ngữ để phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trong đó quy định HTX chỉ cần tối thiểu 05 thành viên chính thức, liên hiệp HTX có tối thiểu 03 HTX thành viên chính thức để tạo thuận lợi cho việc thành lập (*Luật HTX năm 2012 quy định 07 thành viên đối với HTX, 04 HTX thành viên đối với liên hiệp HTX*).

1.4. Hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Điều 7)

Luật HTX năm 2023 quy định 13 nhóm hành vi bị nghiêm cấm, trong đó đã sửa đổi theo hướng tách biệt quy định hành vi bị nghiêm cấm đối với cơ quan quản lý nhà nước (*06 nhóm hành vi*); tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*05 nhóm hành vi*); thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*02 nhóm hành vi*); bổ sung các hành vi bị cấm liên quan đến việc tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ của các cá nhân, tổ chức; bổ sung hành vi bị cấm của thành viên, gồm hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì lợi ích cá nhân hoặc của một nhóm thành viên và cung cấp thông tin không trung thực cho tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX.

1.5. Nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Điều 8)

Luật HTX năm 2023 sửa đổi quy định về nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, làm rõ các nội dung theo 07 nguyên tắc do tổ chức Liên minh HTX quốc tế quy định, trong đó nhấn mạnh đến việc mở rộng kết nạp thành viên, trách nhiệm của các thành viên tham gia các hoạt động kinh tế của HTX, liên hiệp HTX.

1.6. Quyền, nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Điều 9, Điều 10)

Luật HTX năm 2023 đã bỏ quy định giới hạn tỷ lệ giao dịch bên ngoài, thay vào đó HTX, liên hiệp HTX được quyền cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra bên ngoài sau khi hoàn thành nghĩa vụ và bảo đảm lợi ích của thành viên theo quy định của Điều lệ và pháp luật liên quan²; bổ sung HTX, liên hiệp HTX được quyền yêu cầu thành viên đăng ký nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ để lên kế hoạch sản xuất kinh doanh; phải có nghĩa vụ kết nạp thành viên khi đủ điều kiện.

1.7. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Điều 11)

Luật HTX năm 2023 sửa đổi, quy định rõ về người đại diện theo pháp luật của HTX, liên hiệp HTX theo hướng HTX, liên hiệp HTX có thể có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật và được tự quyết định về số lượng, về quyền, trách nhiệm của từng người đại diện theo pháp luật của HTX, liên hiệp HTX.

² Luật HTX năm 2012 quy định việc thực hiện nội dung này theo quy định của Chính phủ; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã quy định tỷ lệ không quá 50%.

1.8. Công bố thông tin cho thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Điều 14)

Luật HTX năm 2023 bổ sung quy định về nội dung, hình thức, thời gian HTX, liên hiệp HTX phải cung cấp thông tin cho thành viên nhằm minh bạch hóa thông tin của HTX, liên hiệp HTX.

2. Chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Chương II)

Luật HTX năm 2023 bổ sung một Chương về chính sách của Nhà nước về phát triển đối với tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX trên cơ sở 08 nhóm chính sách đưa ra tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, trong đó quy định cụ thể:

- Bổ sung nguyên tắc thực hiện hỗ trợ; quy định lựa chọn đối tượng được hỗ trợ phải đáp ứng một số tiêu chí mang tính đặc trưng của HTX (*phát triển thành viên, phát triển quỹ chung không chia, tài sản chung không chia,...*), chỉ hỗ trợ tổ hợp tác đã đăng ký hoạt động; đối với các hỗ trợ lớn, các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX phải có báo cáo kiểm toán để làm căn cứ đánh giá trước khi nhận hỗ trợ nhằm hạn chế việc hỗ trợ không đúng đối tượng hoặc ngăn ngừa các đối tượng trục lợi chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Bổ sung quy định chi tiết 08 chính sách, bao gồm: (i) Chính sách phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn; (ii) Chính sách đất đai; (iii) Chính sách thuế, phí và lệ phí; (iv) Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm; (v) Chính sách ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (vi) Chính sách tiếp cận và nghiên cứu thị trường; (vii) Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị; (viii) Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro.

- Bổ sung quy định về Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX trên cơ sở luật hóa quy định về Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về thành lập, tổ chức hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

3. Thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Chương III)

3.1. Thành viên hợp tác xã

Luật HTX năm 2023 quy định về thành viên hợp tác xã với một số điểm mới sau:

- Mở rộng các loại thành viên của HTX gồm 3 loại: thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không góp vốn.

- Bổ sung đối tượng hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức không có tư cách pháp nhân khác, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư có thể trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của HTX.

- Bổ sung quy định cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể tham gia là thành viên liên kết không góp vốn của HTX.

- Quy định quyền và nghĩa vụ của từng loại thành viên, trong đó quy định thành viên liên kết góp vốn và thành viên liên kết không góp vốn không được quyền biểu quyết và tham gia hội đồng quản trị; việc chấm dứt tư cách thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

- Bổ quy định về thời gian tối thiểu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên, thay vào đó HTX tự quyết định.

3.2. Liên hiệp hợp tác xã

Luật HTX năm 2023 quy định về liên hiệp hợp tác xã với một số điểm mới sau:

- Mở rộng các loại thành viên của liên hiệp HTX gồm 3 loại: thành viên chính thức là HTX, thành viên liên kết góp vốn và thành viên liên kết không góp vốn là pháp nhân.

- Bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ thành viên liên kết góp vốn và thành viên liên kết không góp, trong đó thành viên liên kết không được quyền biểu quyết và tham gia Hội đồng quản trị.

- Sửa đổi quy định về phiếu biểu quyết, theo đó số lượng phiếu biểu quyết của thành viên chính thức ngang nhau hoặc tương ứng theo số lượng thành viên chính thức của các HTX thành viên do Điều lệ quy định.

- Bổ quy định về thời gian tối thiểu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên, thay vào đó liên hiệp HTX tự quyết định.

- Về góp vốn của thành viên liên hiệp HTX: tăng tỷ lệ vốn góp tối đa của thành viên từ 30% lên 40% vốn điều lệ.

4. Thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Chương IV)

- Về sáng lập viên: Bổ sung quy định sáng lập viên có thể liên hệ với tổ chức đại diện để được tư vấn, hỗ trợ thành lập.

- Về nội dung Điều lệ: Bổ sung một số nội dung bắt buộc ghi trong Điều lệ, như tổ chức quản trị; mức phí thành viên liên kết; số lượng, quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật; mức tối thiểu của tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ;

điều kiện chấm dứt tư cách thành viên; cách thức biểu quyết tại Đại hội thành viên;...

- Sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành trên cơ sở cắt giảm thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin khi đăng ký kinh doanh như: bãi bỏ yêu cầu về Phương án sản xuất kinh doanh; sử dụng số định danh cá nhân thay cho giấy tờ pháp lý cá nhân; HTX, liên hiệp HTX tự quyết định về dấu; đăng ký qua dịch vụ bưu chính, mạng thông tin điện tử; bổ sung quy định về mã số của HTX, liên hiệp HTX.

- Nói lỏng quy định về đăng ký thay đổi khi vốn điều lệ thay đổi từ 5% hoặc từ 1 tỷ đồng trở lên.

5. Tổ chức quản trị hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Chương V)

- Về tổ chức quản trị: Bổ sung tổ chức quản trị rút gọn, gồm Đại hội thành viên, Giám đốc và Kiểm soát viên có thể áp dụng cho HTX quy mô siêu nhỏ, liên hiệp HTX có dưới 10 thành viên chính thức.

- Về Đại hội thành viên: Bổ sung quyền, nghĩa vụ của Đại hội thành viên; giảm điều kiện số lượng thành viên chính thức tối thiểu được tổ chức Đại hội đại biểu³, tỷ lệ số lượng thành viên tham dự để tiến hành đại hội⁴, tổ chức hội nghị trực tuyến, xin ý kiến thành viên bằng các hình thức điện tử; hình thức tham dự trực tiếp, ủy quyền hoặc trực tuyến, giảm tỷ lệ số lượng đại biểu biểu quyết tán thành một số nội dung chính trong Đại hội thành viên nhằm tạo điều kiện để tổ chức Đại hội thành viên dễ dàng hơn, phù hợp với bối cảnh mới và tương ứng với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- Bổ sung trách nhiệm cá nhân của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) khi ra quyết định trái với thẩm quyền, nghị quyết của Đại hội thành viên.

- Bổ sung quy định điều kiện một số chức danh: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc), kế toán nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành.

- Bổ sung quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên: rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của HTX, liên hiệp HTX.

6. Tài sản, tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Chương VI)

³ Giảm từ 100 xuống 50 thành viên so với Luật HTX năm 2012.

⁴ Đại hội thành viên được tiến hành khi có ít nhất từ 75% xuống 50% tổng số thành viên tham dự khi triệu tập lần 1 và 50% xuống 33% tổng số thành viên tham dự khi triệu tập lần 2 so với Luật HTX năm 2012.

- Sửa đổi, làm rõ quy định góp vốn bằng “tài sản”, bổ sung quy định cá nhân, tổ chức có thể góp vốn bằng quyền sở hữu hoặc thỏa thuận cho phép hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng quyền khác đối với tài sản góp vốn là quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải hay các tài sản bằng hiện vật khác cho HTX, liên hiệp HTX và quy định về định giá vốn góp. Việc góp vốn bằng quyền khác đối với tài sản thì không phải chuyển quyền sở hữu của tài sản góp vốn từ thành viên sang THTX, liên hiệp HTX.

- Sửa đổi quy định tỷ lệ vốn góp tối đa của thành viên lên 30% vốn điều lệ đối với HTX, 40% đối với liên hiệp HTX⁵; bổ sung quy định tổng vốn góp của các thành viên liên kết góp vốn không quá 30% vốn điều lệ của HTX, liên hiệp HTX.

- Bổ sung quy định chi tiết về việc thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp: về mối quan hệ của HTX, liên hiệp HTX với các doanh nghiệp này; quy định ngăn chặn tình trạng sở hữu chéo giữa các HTX, liên hiệp HTX với các doanh nghiệp được thành lập, góp vốn, mua cổ phần.

- Quy định rõ về hoạt động cho vay nội bộ không phải là hoạt động tín dụng theo Luật Các tổ chức tín dụng, không được sử dụng nguồn vốn huy động để cho vay lại thành viên.

- Bổ sung quy định về giao dịch nội bộ, thu nhập từ giao dịch nội bộ và chế độ kế toán, hạch toán riêng giao dịch nội bộ với giao dịch bên ngoài; trích lập quỹ chung không chia hằng năm do quỹ này mang tính đặc thù riêng của các HTX, liên hiệp HTX; phân phối thu nhập chủ yếu theo sản phẩm, dịch vụ đối với phần lợi nhuận từ giao dịch nội bộ.

- Bổ sung, sửa đổi quy định về quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; quy định cụ thể mức trích lập quỹ chung không chia tối thiểu từ thu nhập của giao dịch bên ngoài là 5% đối với HTX, 10% đối với liên hiệp HTX; quy định xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia trong quá trình hoạt động, giải thể, phá sản theo hướng: tài sản chung không chia được phép chuyển nhượng, định giá, thanh lý khi được Đại hội thành viên thông qua, phù hợp với quy định của Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân tài trợ và pháp luật có liên quan (nếu có) và đưa vào quỹ chung không chia; quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ của Nhà nước được bàn giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo nguồn hình thành khi HTX, liên hiệp HTX giải thể, phá sản.

7. Tổ chức lại, giải thể, phá sản hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Chương VII)

⁵ Tỷ lệ này quy định tại Luật HTX năm 2012 tương ứng là 20% và 30%.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định chi tiết về quy trình, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập HTX, liên hiệp HTX.

- Về giải thể: Bổ quy định bắt buộc thành lập hội đồng giải thể, thay vào đó Hội đồng quản trị HTX, liên hiệp HTX trực tiếp, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện giải thể sau khi có nghị quyết của Đại hội thành viên; bổ quy định bắt buộc đăng báo địa phương 03 số liên tiếp; Cơ quan đăng ký kinh doanh đăng tải thông tin giải thể HTX, liên hiệp HTX lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký HTX, cập nhật tình trạng giải thể sau 06 tháng kể từ ngày thông báo tình trạng đang làm thủ tục giải thể bắt buộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu không nhận được phản đối của bên có liên quan bằng văn bản.

- Bổ sung các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể HTX, liên hiệp HTX như cất giấu, tẩu tán tài sản...

- Sửa đổi các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký HTX.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia theo nguồn hình thành, theo hướng: HTX, liên hiệp HTX tự quyết định đối với quỹ chung không chia, tài sản chung không chia hình thành từ nguồn đóng góp, tự tích lũy của HTX, liên hiệp HTX; đối với phần hình thành từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước thì bàn giao về ngân sách nhà nước.

8. Kiểm toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Chương VIII)

Luật HTX năm 2023 bổ sung Chương về kiểm toán HTX, liên hiệp HTX, trong đó quy định các đối tượng bắt buộc phải kiểm toán, gồm: HTX có quy mô lớn, liên hiệp HTX từ 10 thành viên trở lên, một số tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX được nhận hỗ trợ lớn từ Nhà nước; quy định rõ tần suất, nội dung kiểm toán độc lập cho từng đối tượng.

9. Tổ hợp tác (Chương IX)

Luật HTX năm 2023 quy định các nội dung cơ bản về tổ hợp tác, gồm khái niệm, quyền và nghĩa vụ của tổ hợp tác để thừa nhận địa vị pháp lý của tổ hợp tác. Các quy định cụ thể về việc đăng ký, hoạt động của tổ hợp tác sẽ được Chính phủ quy định chi tiết trên cơ sở sửa đổi, bổ sung nội dung của Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về tổ hợp tác để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

- Các tổ hợp tác khi góp vốn và hợp đồng hợp tác không xác định thời hạn hoặc có thời hạn từ 12 tháng trở lên phải đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh để thống nhất quản lý nhà nước và áp dụng các chính sách hỗ trợ cho tổ hợp tác.

- Bổ sung chính sách hỗ trợ tổ hợp tác chuyển đổi thành HTX, gồm: tư vấn miễn phí các thủ tục hành chính về thuế, chế độ kế toán; miễn lệ phí cấp

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã lần đầu; miễn phí thẩm định, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm; miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền sử dụng theo quy định của pháp luật liên quan.

10. Tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Chương X)

- Sửa đổi, bổ sung quy định nhiệm vụ của tổ chức đại diện, trong đó hệ thống Liên minh HTX Việt Nam là nòng cốt, đại diện, bảo vệ lợi ích cho thành viên.

- Bổ sung nhiệm vụ tổ chức đại diện được thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn, tài chính cho các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX.

- Bổ sung quy định khuyến khích tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX tham gia là thành viên của các tổ chức đại diện, liên minh HTX.

11. Quản lý nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Chương XI)

- Bổ sung quy định về quản lý nhà nước: tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án phát triển tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX; xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về HTX.

- Bổ sung quy định các bộ, ngành, cơ quan liên quan, địa phương phải kết nối, liên thông, chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin quốc gia về HTX.

12. Điều khoản thi hành (Chương XII)

- Luật HTX năm 2023 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và thay thế Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Hoạt động tín dụng nội bộ theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023; các hợp đồng tín dụng nội bộ đã được ký trước ngày 01 tháng 9 năm 2023 thì các bên tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng không được gia hạn hợp đồng.

- HTX đã thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần và doanh nghiệp được thành lập, góp vốn, mua cổ phần là thành viên của HTX đó thì kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023 không được tăng tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần và trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023 phải thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật HTX năm 2023.

- Bổ sung quy định thời hạn các tổ hợp tác theo quy định của Luật HTX năm 2023 phải thực hiện đăng ký thì phải thực hiện đăng ký trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày 01/7/2023.

- Chính sách của Nhà nước đối với HTX, liên hiệp HTX được ban hành theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời gian áp dụng chính sách hoặc có văn bản thay thế, bãi bỏ./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

đề
tuyên
truyền

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG